

Bản án số: 311/2021/DS-PT

Ngày: 05-4-2021

*Về việc “Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán : Ông Ưông Hoài Nam

Bà Phạm Thị Mai Xuân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền-Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị
Mộng Linh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 29 tháng 3, ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử
án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai
vụ án dân sự thụ lý số: 560/DSPT ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh
chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 458/2019/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019
của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 729/2021/QĐ-PT ngày
26 tháng 02 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lại Thế Đ. (Có mặt).

Địa chỉ: 149/15/6, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Đào Thị T. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 237/33/32F Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Hồng Th. (Có mặt).

Địa chỉ: 237/33/32F Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2020.

4. Người kháng cáo:

Bà Đào Thị T. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 237/33/34 Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Hồng Th. (Có mặt)

Địa chỉ: 237/33/32F Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018, các đơn ngày 06/9/2019, ngày

22/7/2019 và tại Bản tự khai ngày 26/9/2019, nguyên đơn – ông Lại Thế Đ trình bày ý kiến như sau:

Ngày 28/9/2011, ông Đ có cho bà Đào Thị T vay số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng khi nào ông Đ lấy vốn và lãi thì báo trước cho bà T 01 tháng, các bên có làm Giấy vay tiền đề ngày 28/9/2011 thể hiện ông Đ đã giao tiền và bà T đã nhận tiền. Ông Đ đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không trả. Do vậy, vào ngày 09, 24 và 25/01/2018 ông Đ đã có văn bản thông báo đòi tiền gửi cho bà T (có Vi bằng của Thừa phát lại) nhưng bà T vẫn không trả nên ngày 27/02/2018, ông Đ có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà T và chồng là ông Đào Văn U phải trả cho ông Đ số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 28/9/2011 đến ngày 28/01/2018 là $550.000.000 \times 1\% \times 76 \text{ tháng} = 418.000.000$ đồng (bốn trăm mười tám triệu) đồng; tổng cộng là 968.000.000 (chín trăm sáu mươi tám triệu) đồng theo Giấy vay tiền ngày 28/9/2011.

Tại Bản tường trình ngày 16/9/2019, ông Đ có lời khai như sau: Từ năm 2008 đến năm 2018 ông Đ làm dịch vụ cầm đồ, trong quá trình làm dịch vụ tiền vốn thiếu ông Đ có vay tiền của ông U các lần vay như sau: Ngày 17/8/2011 vay 40.000.000 đồng, ngày 22/9/2011 vay 03 lượng vàng, ngày 28/11/2011 vay 50.000.000 đồng và ngày 01/01/2012 (thực tế vay ngày 30/9/2011) vay 10.000.000 đồng cùng 01 lượng vàng. Tuy nhiên, ngày 28/9/2011 bà T có hỏi vay tiền ông Đ để xử lý việc riêng của bà T, khi vay bà T có đề nghị là không cho ông U biết, vì trong thời gian này 02 vợ chồng bà T có mâu thuẫn với nhau, nên ông Đ đồng ý cho bà T vay tiền. Số tiền mà ông Đ cho bà T vay là tiền của khách hàng trả cho ông Đ và ông Đ có đi vay thêm để cho bà T vay; bởi vì công việc của ông Đ là cầm đồ lúc có tiền và lúc không có tiền là bình thường, có người trả thì ông lại đi cho vay. Khi đưa tiền cho bà T, ông Đ có viết Giấy vay tiền ngày 28/9/2011, sau khi nhận tiền bà T đã đọc lại giấy vay và đồng ý ký tên vào giấy vay. Việc bà T cho rằng đầu năm 2011 ông Đ vay của bà T 50 triệu đồng và ngày 28/9/2011 ông Đ đến trả cho bà T 50 triệu đồng là không đúng. Ông Đ chỉ vay ông U 50 triệu đồng ngày 28/11/2011 (sau khi ông cho bà T vay tiền). Số tiền 50 triệu đồng ông Đ vay ông U cũng được Bản án số 23/2018/DS-PT ngày 05/01/2018 xác định ông Đ chưa trả.

Trước đây, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông U phải cùng có trách nhiệm trả tiền cho ông Đ nhưng nay ông Đ yêu cầu Tòa án buộc một mình bà T phải trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng cùng lãi suất tạm tính từ ngày 28/9/2011 đến ngày 21/10/2019 là $550.000.000 \times 1,125\% \times 96 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 598.743.750$ đồng và tiền chi phí giám định 5.000.000 đồng; tổng cộng 1.153.742.750 đồng, trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu Tòa án tuyên

buộc ông U cùng có trách nhiệm trả tiền cho ông Đ. Ngoài ra ông Đ không có ý kiến gì khác.

Ý kiến trình bày của bà Đào Thị T và người đại diện ủy quyền là ông Dương Thế L tại Tòa án như sau:

Do gia đình bố mẹ ông Đ ở quê có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bà T đã cứu mang ông Đ từ khi ở quê cho đến khi đưa ông Đ vào Sài Gòn xin việc làm. Trong thời gian làm việc ở công ty của anh trai bà T, do ông Đ không có trình độ lại lười làm việc nên bị công ty đuổi việc, ông Đ không xin được việc làm ở đâu về mở tiệm cầm đồ, ông Đ đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của rất nhiều người, lúc này gia đình bà T chưa biết. Ông Đ đến gia đình bà T vay tiền, chồng bà T là ông U đã cho ông Đ mượn 04 cây vàng SJC và 100.000.000 (một trăm triệu) đồng hẹn đến ngày 01/2/2012 lấy. Sau đó, ông Đ trở mặt không gặp mặt chồng bà T nữa, đồng thời giả mạo giấy vay tiền thể hiện ông U vay của ông Đ 510.000.000 (năm trăm mười triệu) đồng và ông Đ khởi kiện, tại Bản án số 410/2017/DSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận M và ngày 05/01/2018 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm bác đơn của ông Đ và buộc ông Đ phải trả cho gia đình bà T số tiền, vàng mà ông Đ vay- mượn chưa trả. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng theo nội dung Giấy vay tiền đề ngày 28/9/2011 là không có thật và có nhiều mâu thuẫn:

Thứ nhất: Năm 2011, 2012, 2013 ông Đ có vay tiền của chị dâu bà T là Trịnh Thị Thanh T rất nhiều lần, bà T và bố đẻ của bà T và cô Nguyễn Thị B quê Hà Tĩnh là giúp việc cho nhà anh trai bà T đều biết.

Thứ hai: Ngày 17/8/2011, ông Đ vay của ông U số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, ngày 22/9/2011 ông Đ vay của ông U 03 lượng vàng; số tiền vay 02 lần này lãi suất là 03%/tháng mà ông Đ lại cho bà T vay có 02%/tháng trong khi đó ông Đ là dân đi cầm đồ chuyên lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người.

Thứ ba: Ông Đ cho rằng ngày 28/9/2011 bà T vay của ông Đ số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng nếu bà T cần tiền thì bà T đã đòi ông Đ số tiền mà gia đình bà T đã cho ông Đ vay trước.

Thứ tư: Ngày 30/9/2011, ông Đ lại vay của vợ chồng bà T 01 lượng vàng và 10.000.000 (mười triệu) đồng chỉ cách nhau có hai ngày so với ngày ông Đ giả mạo tờ giấy vay tiền ngày 28/9/2011, đến ngày 28/11/2011 ông Đ lại vay của vợ chồng bà T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nữa.

Thứ năm: Số tiền lớn như vậy nếu bà T vay phải có gì chứng minh là bà T vay hoặc là phải yêu cầu bà T có gì để thế chấp; cụ thể là em dâu bà T là bà Lưu Thị H có vay của ông Đ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ông Đ yêu cầu bà H phải tự viết giấy vay, lăn tay, đưa hết giấy tờ nhà bản gốc và chứng minh, hộ khẩu. Còn với bà T, ông Đ lập giấy vay tiền giả mạo, mình ông Đ

viết và mình ông Đ ký trên giấy vay tiền, nội dung ghi lũng cũng lặp lại từ ngữ nên không có gì chứng minh bà T là người vay tiền của ông Đ. Trong khi đó ông Đ đã từng lừa đảo và đi kiện rất nhiều người nhưng kết quả ông Đ đã thua rất nhiều vụ kiện, gây bức xúc, phẫn nộ cho nhiều người.

Nếu bà T có vay tiền thật tại sao 07 năm qua ông Đ không đòi, không đến nhà hay điện thoại chứng minh đòi tiền mà cho đến bây giờ mới đòi. Qua những vấn đề hết sức mâu thuẫn như trên bà T xác định Giấy vay tiền ngày 28/9/2011 là giả mạo giống như lần trước ông Đ vu khống chồng bà T có vay của ông Đ 510.000.000 đồng đề ngày 23/11/2011 và Tòa phúc thẩm đã xét xử ngày 05/01/2018. Bà T khẳng định không vay tiền của ông Đ và bà T không ký vào Giấy vay tiền ngày 28/9/2011.

Tại Bản tự khai ngày 17/5/2019, bà T trình bày: Đầu năm 2011, bà T có cho ông Đ vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Đến ngày 28/9/2011, ông Đ sang nhà bà T trả tiền cho bà T thì ông Đ có viết sẵn ở nhà, bà T nhớ là tờ giấy ô ly ông Đ gấp nhỏ lại, cặp với số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, chỉ ghi ngày 28/9/2011 bà T nhận đủ số tiền 50.000.000 (năm chục triệu) đồng. Ông Đ bảo với bà T: Dì ký vào cho cháu không chú U lại sang đòi nữa nên bà T ký vào tờ giấy đó trả tiền là 50.000.000 (năm chục triệu) đồng. Còn tờ giấy vay tiền bà T không biết gì cả. Hôm ông Đ trả tiền cho bà T có con gái và ông S chơi ở đó cũng nhìn thấy. Trong khi ông Đ còn vay tiền nhà bà T 04 lượng vàng và 100.000.000 đồng, sao ông Đ không trừ mà lại để từ đó đến nay. Trong khi đó, ông Đ lại khởi kiện chồng bà T ra Tòa và đã có kết quả giải quyết ông Đ phải trả tiền và vàng cho gia đình bà T nhưng đến giờ ông Đ không trả. Dù có kết quả giám định chữ ký là của bà T nhưng bà T cho rằng đây là một sự lừa đảo tinh vi. Ông Đ đã lừa đảo rất nhiều người cũng cùng chiêu thức đó. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết đúng pháp luật.

Người liên quan ông Đào Văn U trình bày: Có ý kiến trình bày giống bà T. Ông U khẳng định bà T không vay tiền của Đ và cũng không ký tờ Giấy vay tiền đề ngày 28/9/2011. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người liên quan bà Nguyễn Thị Minh H trình bày: Số tiền tranh chấp giữa ông Đ và bà T là của riêng ông Đ, bà H không biết và không liên quan gì. Nay bà H bận công việc và có con nhỏ nên không thể tới Tòa án được, bà H xin được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án theo yêu cầu của các đương sự, cụ thể như sau:

Ngày 22/5/2018, Tòa án nhân dân Quận G đã ban hành quyết định số 69/2018/QĐ-TCGD trưng cầu giám định chữ ký tại Giấy vay tiền đề ngày 28/9/2011 theo yêu cầu của bà T và ông U.

Ngày 29/6/2018, Viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 2315/C54B có nội dung kết luận về đối tượng giám định: *“Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký đứng tên Đào Thị T dưới mục “Người nhận tiền” trên tài liệu cần giám định: “Giấy vay tiền” đề ngày 28/9/2011 (ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Đào Thị T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M7) là có phải do cùng một người ký ra hay không”.*

Ngày 24/10/2018, Tòa án nhân dân Quận G đã ban hành Quyết định số 130/2018/QĐ-TCGD trưng cầu giám định chữ ký tại Giấy vay tiền đề ngày 28/9/2011 theo yêu cầu của ông Đ.

Ngày 30/11/2018, Viện khoa học hình sự- Bộ công an đã có Kết luận giám định số 342/C09-P5 với nội dung kết luận như sau:

- *“Chữ ký đứng tên Đào Thị T dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A khác dạng so với chữ ký của bà Đào Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M 1 đến M 10 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không”.*

- *“Chữ ký đứng tên Đào Thị T dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Đào Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu M11, M12 do cùng một người ký ra.”*

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ vào lúc 08 giờ ngày 19/4/2019 và phiên họp hòa giải vào lúc 09 giờ 00 ngày 17/6/2019 và ngày 17/6/2019 nhưng không thể tiến hành hòa giải được, cụ thể: Ngày 19/4/2019, ông U có mặt tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đang trong quá trình làm việc thì ông U ra ngoài nghe điện thoại và không quay trở lại. Ngày 17/6/2019, Tòa án tiến hành phiên họp hòa giải lần 2, ông U và bà T có mặt nhưng khi đang chuẩn bị bắt đầu ghi nhận trình bày của các đương sự thì ông U đã đứng lên dùng gậy đánh ông Đ, sự việc xảy ra, Tòa án nhân dân Quận G đã mời Công an Phường N, Quận G đến làm việc (có lập Biên bản vụ việc lúc 10 giờ ngày 17/6/2019); do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Ngày 22/7/2019, ông Đ có Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải; đồng thời ông Đ chỉ yêu cầu bà T trả nợ và lãi, không yêu cầu ông U cùng có trách nhiệm trả nợ.

Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà Đào Thị T trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 550.000.000 (năm trăm, năm mươi triệu) đồng, lãi suất tạm tính từ ngày 28/9/2011 đến đưa vụ án ra xét xử là $550.000.000 \times 1,125\%/\text{tháng} \times 96 \text{ tháng} = 598.743.750$ —đồng; tổng

cộng 1.148.743.750 đồng và số tiền giám định 5.000.000 đồng. Không yêu cầu Tòa án buộc ông U cùng có trách nhiệm trả nợ với bị đơn.

- Tại phiên tòa bị đơn có ý kiến: Bị đơn chấm dứt tư cách đại diện ủy quyền bị đơn của ông U tham gia tố tụng theo văn bản chấm dứt ủy quyền số 007471 ngày 17/10/2019 của Văn phòng công chứng I; đồng thời, ủy quyền cho ông Dương Thế L tham gia tố tụng với tư cách làm người đại diện ủy quyền của bị đơn theo Giấy ủy quyền số 007472 ngày 17/10/2019, ông L nộp đủ Giấy ủy quyền, bản sao Giấy chứng minh dân theo quy định.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến xác định bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây tại các bản tự khai, không đồng ý với ý kiến yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 458/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

“Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 68, Điều 85, Điều 86, Khoản 2 Điều 161, Điều 184, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 154, Điều 401, Điều 471, khoản 1 Điều 474, Điều 476, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lại Thế Đ.

- Bà Đào Thị T phải trả ngay cho ông Lại Thế Đ số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/9/2011 đến ngày 21/10/2019 là 598.743.750 đồng; tổng cộng 1.148.743.750 (Một tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng.

- Bà Đào Thị T phải trả cho ông Lại Thế Đ số tiền chi phí giám định là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

tương ứng với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đào Văn U cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Đào Thị T.”

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

-Ngày 28/10/2019 bà Tĩnh nộp đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 458/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận G. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà T có bà Th đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có ý kiến:

-Việc bà T ký tên vào Giấy vay tiền ngày 28/9/2011 là bị ông Đ dùng thủ đoạn lừa dối. Cụ thể, ngoài nội dung: “*Hôm nay ngày 28/9/2011 bà T đã nhận đủ số tiền là: 50.000.000 đ (số tiền viết bằng chữ là) năm chục triệu đồng*” và T ký tên bên dưới, các nội dung còn lại do ông Đ ghi chèn thêm thành Giấy vay tiền ngày 28/9/2011, bà Th đã yêu cầu giám định đoạn chữ viết nói trên được viết trước hay sau các nội dung còn lại của Giấy vay tiền và Kết luận giám định số 3413/C09B ngày 14/8/2020 đã xác định đoạn nội dung chữ viết nói trên được viết trước các nội dung còn lại. Bà Th xác nhận đã nhận được Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án cấp phúc thẩm, đồng ý với nội dung và kết quả giám định.

Tuy nhiên, nay bà yêu cầu giám định bổ sung nội dung “*Hôm nay ngày 28/9/2011 bà T đã nhận đủ số tiền là: 50.000.000 đ (số tiền viết bằng chữ là) năm chục triệu đồng, bà T ký tên bên dưới*”.

-Lời khai và lập luận của ông Đ có nhiều mâu thuẫn và thiếu cơ sở.

-Bà T chỉ làm công việc nội trợ trong nhà, không có nhu cầu vay tiền, ông Đ là người kinh doanh cầm đồ và là họ hàng cùng quê nên biết rất rõ việc này. Mặt khác, cho vay tiền với số lượng lớn nhưng ông không buộc phải thế chấp tài sản, trong khi ông Đ đang còn nợ tiền vợ chồng bà T ông U chưa có khả năng trả.

-Yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Ông Đ có ý kiến:

-Đề nghị Tòa án triệu tập giám định viên để giải thích về kết luận giám định và yêu cầu cho giám định lại tại Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Công an tại Hà Nội.

-Nếu Tòa không đồng ý cho giám định lại thì đề nghị xử y án sơ thẩm.

Giám định viên Phạm Minh T (Số thẻ: 3368/TP-GĐTP cấp ngày 19/10/2011 – Nơi cấp: Bộ Tư pháp) có ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:

Kết quả giám định tại Kết luận giám định số 3413/C09B ngày 14/8/2020 đã xác định rõ nội dung “*Hôm nay ngày 28/9/2011 bà T đã nhận đủ số tiền là: 50.000.000 đ (số tiền viết bằng chữ là) năm chục triệu đồng*” được viết trước các nội dung còn lại (kể cả chữ ký và họ tên phía dưới chữ ký của các bên), việc giám định này là đúng quy định pháp luật và nghiệp vụ giám định. Việc giám định tuổi mực, giám định khoảng cách thời gian viết giữa các nội dung trong tài liệu thì hiện nay Cơ quan giám định công lập chưa đủ điều kiện để thực hiện.

Sau khi nghe Giám định viên giải thích về kết quả giám định, các đương sự có ý kiến:

-Bà Th rút lại yêu cầu giám định bổ sung, đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật.

-Ông Đ rút lại yêu cầu Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Công an tại Hà Nội giám định tài liệu. Kết quả giám định tại Kết luận giám định số 3413/C09B ngày 14/8/2020 chỉ xác định nội dung: “*Hôm nay ngày 28/9/2011 bà T đã nhận đủ số tiền là: 50.000.000 đ (số tiền viết bằng chữ là) năm chục triệu đồng*” được viết trước các nội dung còn lại, việc này không làm thay đổi nội dung còn lại của toàn bộ giấy vay tiền, đề nghị Tòa án xử ý án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo. Sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lại Thế Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1].Đơn kháng cáo của bà T nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp thuận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp, quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[2].Về nội dung:

[2.1].Xét hình thức giao dịch giữa ông Đ với bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao dịch giữa 2 bên được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký và họ tên các bên tham gia giao dịch.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà T yêu cầu giám định nội dung “*Hôm nay ngày 28/9/2011 bà T đã nhận đủ số tiền là: 50.000.000 đ (số tiền viết bằng chữ là) năm chục triệu đồng*” được viết trước hay sau nội dung còn lại của Giấy vay nợ ngày 28/11/2011, đây là yêu cầu mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Theo Kết luận giám định số 3413/C09B ngày 14/8/2020 thì “*Chữ viết nội dung “Hôm nay ngày 28/9/2011 bà T đã nhận đủ số tiền là: 50.000.000 đ (số tiền viết bằng chữ là) năm chục triệu đồng*” là được viết trước nội dung còn lại trên tài liệu ký hiệu A”

Tại Văn bản số 82/CV/C09B ngày 21/01/2021 của Phân Viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bộ Công an) giải thích Kết luận giám định, xác định:

“*Chữ viết nội dung “Hôm nay ngày 28/9/2011 bà T đã nhận đủ số tiền là: 50.000.000 đ (số tiền viết bằng chữ là) năm chục triệu đồng*” là được viết trước nội dung còn lại trên tài liệu ký hiệu A” điều đó có nghĩa là chữ viết nội dung “*Hôm nay ngày 28/9/2011 bà T đã nhận đủ số tiền là: 50.000.000 đ (số tiền viết bằng chữ là) năm chục triệu đồng*” là được viết trước **tất cả nội dung còn lại** trên tài liệu ký hiệu A”.

Tại phiên tòa, ông Đ không đồng ý với kết luận giám định nhưng không chứng minh được kết luận giám định không đúng quy định của pháp luật nên Kết luận giám định số 3413/C09B ngày 14/8/2020 là chứng cứ.

Như vậy, có căn cứ xác định Giấy vay tiền ngày 28/9/2011 do ông Đ viết nhưng được viết vào 2 thời điểm khác nhau.

[2.3]. Xét nội dung Giấy vay tiền ngày 27/8/2011.

Qua kiểm tra trực quan bản chính Giấy vay tiền ngày 28/9/2011, Hội đồng xét xử thấy rằng toàn bộ nội dung tài liệu đều do ông Đ viết, nhưng nội dung tài liệu thiếu mạch lạc, chưa thống nhất.

Theo lẽ thông thường, mọi giao dịch dân sự phải được các bên tham gia thỏa thuận xong mới lập thành văn bản hoàn chỉnh rồi mới ký tên xác nhận vào văn bản. Tuy nhiên, tại Giấy vay tiền ngày 28/9/2011 lại được viết vào 2 thời điểm khác nhau, đoạn nội dung: “*Hôm nay ngày 28/9/2011 bà T đã nhận đủ số tiền là: 50.000.000 đ (số tiền viết bằng chữ là) năm chục triệu đồng*” được viết trước sau đó lại bị thêm, chèn nội dung để nội dung trên có vị trí không bị tách rời, độc lập với các nội dung khác được viết sau đó và chính sự việc này dẫn đến việc làm thay đổi hoàn toàn bản chất sự việc, cụ thể từ nội dung bà T nhận 50.000.000 đồng thành Giấy vay tiền 550.000.000 đồng.

Giả định bà T có vay của ông Đ một lần với số tiền 550.000.000 đồng thì cũng không có lý do gì Giấy vay tiền lại được viết vào 2 thời điểm khác nhau.

Hơn nữa, trước khi ông Đ khởi kiện thì giữa ông Đ với vợ chồng bà T có nhiều tranh chấp về việc ông Đ nợ tiền vàng của vợ chồng bà T nhưng ông Đ

không đề cập đến khoản tiền cho bà T vay nói trên để cân trừ nợ mà phải đi khởi kiện bằng vụ kiện khác cũng là điều vô lý.

Ngoài ra, lời khai của ông Đ cũng có mâu thuẫn, cụ thể tại Bản tự khai ngày 13/4/2018 ông Đ khai ông U (chồng bà T) có biết về khoản vay 550.000.000 đồng nhưng tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 21/10/2019 ông U không biết về khoản vay này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không đủ cơ sở để công nhận giá trị Giấy vay tiền ngày 28/9/2011 là chứng cứ để buộc bà T phải chịu trách nhiệm về khoản vay 550.000.000 đồng và tiền lãi.

Vì lẽ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/9/2011 đến ngày 21/10/2019 là 598.743.750 đồng; tổng cộng 1.148.743.750 (Một tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng của ông Đ đối với bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[3].Do kháng cáo của bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo có hiệu lực thi hành.

Việc sửa án là do có tình tiết mới nên Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5].Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ phải chịu là 46.462.300 (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm) đồng.

[6].Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T không phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều 308 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị T.

Sửa Bản án sơ thẩm số 458/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Thế Đ về việc kiện đòi số tiền nợ gốc là 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/9/2011 đến ngày 21/10/2019 là 598.743.750 (năm trăm chín mươi tám

triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng, tổng cộng 1.148.743.750 (một tỉ, một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng đối với bà Đào Thị T.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Lại Thế Đ buộc ông Đào Văn U cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Đào Thị T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ phải chịu là 46.462.300 (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm) đồng. Ông Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 20.520.000 (hai mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0028841 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nay được trừ vào tiền án phí, ông Đ phải nộp thêm 25.942.300 (hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm) đồng là đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0001927 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận G, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận G, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên